



VIMCERTS 180

**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN GIANG
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG VÀ
DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**

Địa chỉ: Ấp Hội Gia - xã Mỹ Phong - TP. Mỹ Tho - Tiền Giang
Điện thoại: 0273 3872454 - 0273 3872 175



Số: 03018/KQPT/2025

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Mã số mẫu: 2680625

Tên khách hàng : **CÔNG TY PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TIỀN GIANG**

Địa chỉ : Số 84 Ngô Gia Tự, Ấp Bình Tạo - Xã Trung An - Thành phố Mỹ Tho - Tỉnh Tiền Giang

Tên mẫu : Nước thải sau xử lý

Ngày nhận mẫu : 13/06/2025

Ngày lấy mẫu : 13/06/2025

Người lấy mẫu : Ngô Minh Khánh

Ngày xuất kết quả : 30/06/2025

Địa điểm/Vị trí lấy mẫu: Khu công nghiệp Mỹ Tho

Địa chỉ: ấp Bình Tạo - xã Trung An - thành phố Mỹ Tho - tỉnh Tiền Giang

Đầu ra hệ thống xử lý nước thải

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp
1	pH °	-	6,97	TCVN 6492:2011
2	Nhiệt độ °	°C	31,3	SMEWW 2550B:2023
3	BOD ₅ °	mg/L	13,0	SMEWW 5210B:2023
4	COD °	mg/L	32,5	SMEWW 5220C:2023
5	TSS °	mg/L	21,2	TCVN 6625:2000
6	Tổng Nitơ °	mg/L	19,2	TCVN 6638:2000
7	Tổng Photpho (tính theo P) °	mg/L	2,89	TCVN 6202:2008
8	Clo dư °	mg/L	KPH (MDL=0,30)	TCVN 6225-3:2011
9	Dầu mỡ khoáng °	mg/L	KPH (MDL=1,2)	SMEWW 5520B&F:2023
10	Crom (III) °	mg/L	KPH (MDL=0,007)	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500-Cr.B:2023
11	Amoni (tính theo N) °	mg/L	KPH (MDL=0,40)	TCVN 5988:1995
12	Xyanua ^β	mg/L	KPH (LOD = 0,001)	SMEWW 4500-CN- C&E:2023
13	Asen °	mg/L	0,012	SMEWW 3113B:2023
14	Chì °	mg/L	KPH (MDL=0,0015)	SMEWW 3113B:2023
15	Đồng °	mg/L	KPH (MDL=0,015)	SMEWW 3111B:2023
16	Kẽm °	mg/L	KPH (MDL=0,015)	SMEWW 3111B:2023
17	Sắt °	mg/L	0,32	SMEWW 3500-Fe.B:2023
18	Cadimi °	mg/L	KPH (MDL=0,00015)	SMEWW 3113B:2023
19	Thủy ngân °	mg/L	KPH (MDL=0,00015)	TCVN 7877:2008
20	Màu °	Pt-Co	28,5	TCVN 6185:2015 (Phương pháp C)
21	Crom (VI) °	mg/L	KPH (MDL=0,007)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
22	Mangan °	mg/L	KPH (MDL=0,015)	SMEWW 3111B:2023
23	Phenol ^β	mg/L	KPH (LOD = 0,0003)	SMEWW 5530B&C:2023
24	Sulfua (tính theo H ₂ S) °	mg/L	KPH (MDL=0,020)	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023
25	TDS °	mg/L	450,0	HD.KT.02.12
26	Chất hoạt động bề mặt °	mg/L	KPH (MLD = 0,15)	TCVN 6221-1:2009
27	Dầu mỡ động thực vật °	mg/L	KPH (MDL=1,2)	SMEWW 5520B&F:2023

28	Nitrat (tính theo N) °	mg/L	16,8	SMEWW 4500 NO ₃ ⁻.E:2023
29	Photphat (tính theo P) °	mg/L	2,70	TCVN 6202:2008
30	Coliforms °	MPN/100mL	2,4 x 10 ³	SMEWW 9221B:2023

Phụ trách phòng thí nghiệm



Trinh Thi Thang

Tiền Giang, ngày 30 tháng 06 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



★ Võ Trung Hiếu

- (*) : Giới hạn định lượng của phương pháp thử
- MDL/LOD: Giới hạn phát hiện
- KPH: Không phát hiện
- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.
- Kết quả này không được sao chép một phần hay toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ.

- (*) : Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (°) : Chỉ tiêu được công nhận Vincerts.
- (°) : Chỉ tiêu nhà thầu phụ thực hiện
- (°) : Chỉ tiêu chưa được chỉ định